

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **88/2018/DS-ST**.

Ngày: 29/10/2018.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Hải Toàn**.

2. Ông **Cao Phước Nghĩa**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên Tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2017/TLST-DS, ngày 06/11/2017 về vụ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2018/QĐXXST-DS, ngày 25/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2018/QĐST-DS ngày 11/10/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần QD** (Ngân hàng TMCP QD). Địa chỉ: Số 28C - 28D, phố BTr, phường HB, quận HK, Thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Hải A**. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm: 1977. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần QD - chi nhánh KG.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1963. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP QD - chi nhánh KG. Địa chỉ: Số 56 Tr Ph, phường VTh, thành phố RG, tỉnh KG. Theo văn bản ủy quyền số 320/2017/UQ - NCB, Ngày 26/7/2017

* Bị đơn: Ông **Phạm Văn L**, sinh năm: 1976 và bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm: 1988. Cùng địa chỉ: Ấp K9, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

(Ông L có mặt; bà Ng vắng mặt;
ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY:

**** Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Vợ chồng ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Ng có ký kết với Ngân hàng TMCP QĐ hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 402/2012/HĐTD/102-52 vào ngày 03/07/2012 vay số tiền là 150.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 06/7/2012 đến ngày 06/7/2013. Mục đích của hợp đồng vay nêu trên là sản xuất nông nghiệp. Phương thức trả gốc, lãi: Lãi trả 02 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng, gốc trả cuối kỳ. Mức lãi suất là 19,70 %/năm, lãi suất phạt quá hạn: (=) 150%/LSV, tỷ lệ phí phạt chậm trả lãi: 0,1%/ngày.

Để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, khi vay vốn Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Ng có ký Hợp đồng thế chấp số: 671/11/HĐTC-BDS/102-52 ngày 26/05/2011 dùng tài sản là QSDĐ để thế chấp bảo đảm tiền vay như sau:

QSDĐ do ông (bà) Phạm Văn L đứng tên số AK 915994 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 09/12/2009, diện tích 15.543m² (thửa đất số 244, 244a – TBĐ số 4). Địa chỉ khu đất ở: Ấp Kinh 9, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. QSDĐ nói trên đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo ngày 27/5/2011 tại Văn phòng đăng ký đất đai – Phòng Tài nguyên môi trường huyện Hòn Đất, theo đúng quy định của pháp luật.

Ngân hàng đã giải ngân cho phía Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Ng vay số tiền 150.000.000đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Ng chưa thanh toán cho ngân hàng nợ gốc và vi phạm nghĩa vụ đóng lãi (ông L, bà Ng đã đóng lãi cho Ngân hàng được 22.103.333 đồng). Mặc dù ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng ông bà vẫn không thực hiện trả nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán các khoản nợ như sau:

- Số nợ gốc 150.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/4/2017 như sau: lãi suất trong hạn là 104.559.584 đồng, lãi quá hạn là 72.917.999 đồng và lãi phạt chậm trả lãi là 16.993.525 đồng.

Tổng cộng là 344.471.108 đồng và đồng thời trả lãi phát sinh sau ngày 17/4/2017 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần QĐ

với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 402/12/HĐTD/102-52 vào ngày 03/7/2012 và nếu ông bà không thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

**Ý kiến trình bày của bị đơn ông L như sau:*

Ông L thừa nhận việc ngân hàng trình bày về hợp đồng tín dụng vợ chồng chúng tôi có ký và vay tiền của ngân hàng là đúng sự thật, số tiền vay của hợp đồng là 150.000.000đ và có thế chấp 01 chứng nhận QSD đất do ông (bà) Phạm văn L đứng tên số AK 915994 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 09/12/2009, diện tích 15.543m² (thửa đất số 244, 244a – TBD số 4). Địa chỉ khu đất ở: Ấp Kinh 9, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông thừa nhận còn nợ Ngân hàng cộng là 344.471.108 đồng (Trong đó, nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi là 194.471.108 đồng) nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông xin được trả nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 104.559.584 đồng, tổng cộng là 254.559.584 đồng. Ông hẹn đến tháng 12/2018 sẽ thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng. Ngoài ra, ông còn trình bà thêm phần đất thế chấp cho Ngân hàng hiện nay ông đang sử dụng, không cầm cố hay cho ai thuê.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng:* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Ng như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng bà Ng không đến Tòa án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Ông L giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Ông Nguyễn Minh Hậu - đại diện VKSND huyện Hòn Đất trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo tố tụng: Việc tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền cũng như nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông L, bà Ng trả cho Ngân hàng TMCP QĐ số tiền tổng cộng là 327.477.583 đồng (Trong đó, gốc là 150.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/4/2017: lãi trong hạn và lãi quá hạn là 177.477.583 đồng) và đồng thời buộc ông L, bà Ng còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 17/4/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên

Không chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QD: phần lãi phạt chậm trả lãi số tiền là 16.993.525 đồng.

Về án phí: Buộc ông L, bà Ng phải chịu theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP QD phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ng là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt và ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QD yêu cầu ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán tổng cộng số tiền là 344.471.108 đồng (Trong đó, nợ gốc 150.000.000đ, lãi suất tạm tính đến ngày 17/4/2017: Lãi trong hạn 104.559.584 đồng (đã trừ số tiền lãi đã nộp là 22.103.333 đồng), lãi quá hạn 72.917.999 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 16.993.525 đồng). Đồng thời, trả lãi phát sinh sau ngày 17/4/2017 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần QD với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 402/12/HĐTD/102-52 vào ngày 03/7/2012 và nếu ông bà không thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử, xét thấy:

- Về nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng số 402/2012/HĐTD/102-52 vào ngày 03/07/2012, thì ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị Ng vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần QD số tiền 150.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP QD đã giải ngân số tiền vay 150.000.000đ cho ông L, bà Ng. Đến hạn trả nợ thì ông L, bà Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Tại phiên tòa, ông L cũng thừa nhận vợ chồng ông bà có vay của Ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng nhưng do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ cho Ngân. Từ khi vay cho đến nay ông, bà chưa trả nợ gốc cho Ngân hàng.

Đối với bà Ng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Ng nhưng bà Ng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập nên căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp

lệ. Do đó, Ngân hàng TMCP QD Nội yêu cầu ông L, bà Ng trả nợ gốc là 150.000.000đ là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông L, bà NG phải trả cho Ngân hàng TMCP QD số nợ gốc là 150.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tại bản tự khai ông T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP QD xác nhận từ khi vay cho đến nay L, bà Ng có đóng lãi cho Ngân hàng được số tiền 22.103.333 đồng. Tính đến ngày 17/4/2017 ông L, bà Ng còn nợ tiền lãi của Ngân hàng tổng cộng là 194.471.108 đồng (Trong đó, lãi trong hạn 104.559.584 đồng, lãi quá hạn 72.917.999 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 16.993.525 đồng). Đồng Thời, Ngân hàng TMCP QD yêu cầu ông L, bà Ng phải trả cho ngân hàng số tiền lãi phát sinh sau ngày 17/4/2017 cho đến khi trả xong nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên. HĐXX xét thấy, căn cứ theo Điều 476 Bộ Luật Dân sự năm 2005 thì yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi quá hạn của Ngân hàng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Buộc ông L, bà Ng phải trả cho Ngân hàng tổng cộng là 177.477.583 đồng (Trong đó, lãi trong hạn 104.559.584 đồng, lãi quá hạn 72.917.999 đồng) và ông L, bà Ng còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng sau ngày 17/4/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

Đối với yêu cầu tiền lãi phạt lãi chậm trả với số tiền là 16.993.525 đồng đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu trái quy định của pháp luật. Bởi vì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có hướng dẫn tại phần 1.3 mục 1 Văn bản số 1335/NHNN-CSTT ngày 22/02/2010 về việc phạt chậm trả đối với trường hợp nợ quá hạn thì: “ Các tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, theo đó, mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng, nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay”. Ngoài ra Văn phòng chính phủ ban hành văn bản số 678/VPCP-KTTH ngày 07/7/2008 thông báo cho Ngân hàng Nhà nước ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng chính phủ đồng ý tiếp tục thực hiện Quyết định số 1627 nêu trên về cơ chế lãi suất phạt quá hạn và xác định lãi suất phạt quá hạn chính là lãi quá hạn. Do đó, việc Ngân hàng QD yêu cầu tính tiền phạt trên lãi quá hạn là không có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản thế: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 671/11/HĐTC-BDS/102-52 ngày 26/05/2011. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thế chấp các tài sản nêu trên giữa ông L, bà Ng với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và các tài sản thế chấp đã đăng ký theo quy định tại các Điều 342, 343 Bộ Luật Dân sự 2005 là đúng quy định. Do

đó, nếu ông L, bà Ng không tự nguyện thanh toán nợ cho Ngân hàng thì cần duy trì hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Buộc ông L, bà Ng phải chịu án phí đối với số tiền 327.477.583 đồng. Án phí được tính như sau: $327.477.583 \text{ đồng} \times 5\% = 16.373.880 \text{ đồng}$.

Buộc Ngân hàng TMCP QD phải chịu án phí đối với số tiền 16.993.525 đồng không được chấp nhận. Án phí được tính như sau: $16.993.525 \text{ đồng} \times 5\% = 849.677 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 471, 474 và 476 Bộ Luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015 .

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QD.

Buộc ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Ng phải trả cho Ngân hàng TMCP QD số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 17/4/2017, tổng cộng 327.477.583 đồng (Trong đó, gốc là 150.000.000đ và lãi trong hạn 104.559.584 đồng và lãi quá hạn là 72.917.999 đồng) và đồng thời buộc ông L, bà Ng còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 17/4/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 402/2012/HĐTD/102-52 vào ngày 03/07/2012. Thời điểm tính lãi tiếp theo kể từ ngày 17/4/2017.

Khi ông L, bà Ng trả xong nợ thì Ngân hàng TMCP QD có trách nhiệm trả lại cho ông L, bà Ng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng số AK 915994 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 09/12/2009, diện tích 15.543m^2 (thửa đất số 244, 244a – TBD số 4) do ông (bà) Phạm Văn L đứng tên. Địa chỉ khu đất ở: Ấp Kinh 9, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp ông L, bà Ng không tự nguyện thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP QD thì Ngân hàng TMCP QD có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế 671/11/HĐTC-BDS/102-52 ngày 26/05/2011 để thu hồi nợ.

[2] Không chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QD: phần lãi phạt chậm trả lãi số tiền là 16.993.525 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Buộc ông L, bà Ng phải chịu án phí là 16.373.880 đồng.

Buộc Ngân hàng TMCP QD phải chịu án phí 849.676 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án Ngân hàng TMCP QD đã nộp là 8.612.000 đồng theo lai thu số 0000522 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Ngân hàng TMCP QD được nhận lại số tiền án phí là 7.762.324 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Ông L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N và Ngân hàng TMCP QD có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS;
- Dương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo